

I. NEW WORDS

- have breakfast/lunch/dinner	: ăn sáng/ ăn trưa/ăn tối
- meal	: bữa ăn
- noon	: buổi trưa
- get up	: ngủ dậy
- go home	: về nhà
- go to bed	: đi ngủ
- get dressed	: mặc quần áo
- start	: bắt đầu
- finish	: kết thúc, chấm dứt
- case	: hộp, hòm, thùng